

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 30

Chương 2: **KIÊN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 1: **BẤT THIÊN**, Phần 6

Năm người: Là Kiên tín, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng.

Người Kiên tín đối với ba kiết này, có bao nhiêu kiết thành tựu, bao nhiêu kiết không thành tựu? Cho đến chín mươi tám sử, bao nhiêu sử thành tựu, bao nhiêu sử không thành tựu? Cho đến Thân chứng, đối với ba kiết này, có bao nhiêu kiết thành tựu, bao nhiêu kiết không thành tựu? Cho đến chín mươi tám sử, có bao nhiêu sử thành tựu, bao nhiêu sử không thành tựu?

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia, ở trong Kiên-độ Sử, do năm người mà soạn luận, còn trong Kiên-độ Trí, Định lại do bảy người để soạn luận?

Đáp: Vì ý của người soạn luận kia muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại nữa, Kiên-độ Sử này, do người có sử mà soạn luận. Còn Kiên-độ Trí, Định do người có trí, không có sử, chỉ người có Trí, Định mới soạn luận. Về có kiết nói cũng giống như thế.

Lại nữa, Tôn giả kia dùng con người làm chương, lấy phiền não làm môn, người tuệ giải thoát, câu giải thoát, vì không có kiết nên không lập môn. Trong Kiên-độ Trí, Định lấy con người làm chương, lấy trí, định làm môn, người tuệ giải thoát, câu giải thoát, vì có trí, định nên lập môn.

Do việc ấy, nên Tôn giả kia ở trong Kiên-độ Sử đã do năm người để soạn luận, ở trong Kiên-độ Trí, Định đã do bảy người để soạn luận.

Bảy người: là Kiên tín, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát.

Thế nào là người Kiên tín? Giống như có một người cung kính nhiều, tin nhiều, tịnh nhiều, ái nhiều, phần nhiều theo những pháp của

mình đã nghe hiểu biết rõ, không ưa tư duy, không lường xét nhiều, không quan sát nhiều, không lựa chọn nhiều. Như ưa tin, cho đến phần nhiều tùy pháp của mình đã nghe nhận hiểu rõ. Như nghe Phật và đệ tử Phật giảng nói pháp, truyền dạy nói khổ, không, vô thường, vô ngã, người kia sẽ nghĩ rằng: Chư vị đã có thể vì ta giảng nói khổ, không, vô thường, vô ngã, thật là điều thích thú, ta nên tu hành pháp khổ, không, vô thường, vô ngã!

Lúc người kia tu hành khổ, không, vô thường, vô ngã, có thể sinh pháp Thế đệ nhất, kể là sinh khổ pháp nhãn, biết các hành cõi Dục là khổ, không, vô thường, vô ngã, cho đến đạo tử trí chưa sinh, gọi là người Kiên tín. Người Kiên tín, hoặc chứng quả hương Tu-đà-hoàn, hoặc chứng quả hương Tư-đà-hàm, hoặc chứng quả hương A-na-hàm. Nếu là ràng buộc đủ, hoặc dứt trừ năm thứ kiết, được chánh quyết định, ở trong khoảng mười lăm tâm của kiến đạo, là người chứng quả hương Tu-đà-hoàn. Nếu đã dứt trừ sáu thứ kiết, cho đến dứt tám thứ kiết, được chánh quyết định, ở trong khoảng mười lăm tâm của kiến đạo, là người đã chứng quả hương Tư-đà-hàm, lia dục cõi Dục, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ, được chánh quyết định, ở trong khoảng mười lăm tâm của kiến đạo, là người chứng quả hương A-na-hàm.

Thế nào là người Kiên pháp? Giống như có một người tánh ưa tư duy nhiều, lường xét nhiều, quán sát nhiều, lựa chọn nhiều, không ưa tin nhiều, cho đến không ưa tùy pháp của mình đã nghe mà hiểu rõ. Do tánh ưa tư duy nhiều, cho đến chọn lựa nhiều, nếu nghe Phật và đệ tử Phật nói pháp truyền dạy, cho đến nói rộng như người Kiên tín, đó gọi là người Kiên pháp.

Thế nào là người Tín giải thoát? Tức là người Kiên tín được Đạo tử trí, bỏ tên gọi Kiên tín, được tên gọi Tín giải thoát.

Hỏi: Vì bỏ những gì?

Đáp: Bỏ tên gọi được tên gọi, bỏ đạo được đạo. Bỏ tên gọi, nghĩa là bỏ tên gọi Kiên tín. Được tên gọi nghĩa là được tên gọi Tín giải thoát. Bỏ đạo là bỏ kiến đạo, được đạo là được tu đạo. Người Tín giải thoát hoặc là Tu-đà-hoàn, hoặc là hương Tư-đà-hàm, hoặc là Tư-đà-hàm, hoặc là hương A-na-hàm, hoặc là A-na-hàm, hoặc là hương A-la-hán. Trụ quả Tu-đà-hoàn, không còn thắng tiến, gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu thắng tiến gọi là hương Tư-đà-hàm. Trụ quả Tư-đà-hàm không thắng tiến, gọi là Tư-đà-hàm, nếu thắng tiến gọi là hương quả A-na-hàm. Nếu trụ quả A-na-hàm không thắng tiến, gọi là A-na-hàm, nếu thắng tiến thì gọi là hương quả A-la-hán.

Thế nào là người Kiến đáo? Người Kiên pháp, được đạo tỳ trí, bỏ tên gọi Kiên pháp, được tên gọi Kiến đáo.

Hỏi: Vì bỏ những gì, được những gì?

Đáp: Bỏ tên gọi được tên gọi, bỏ đạo được đạo, cho đến nói rộng, như người Tín giải thoát.

Thế nào là người thân chứng?

Đáp: Nếu người do thân chứng tám giải thoát, chẳng phải do tuệ dứt hết lậu khác, gọi là người thân chứng.

Thế nào là người tuệ giải thoát?

Đáp: Nếu người không do thân chứng tám giải thoát, do tuệ dứt hết lậu khác, đó gọi là người tuệ giải thoát.

Thế nào là người câu giải thoát?

Đáp: Nếu người do thân chứng tám giải thoát, cũng dùng tuệ dứt hết các lậu còn lại, đó gọi là người câu giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là câu giải thoát?

Đáp: Vì phiền não chướng là một phần, giải thoát chướng là một phần, dứt trừ hai chướng này gọi là câu giải thoát.

Hỏi: Nếu được A-la-hán, sau được định diệt tận, khi lìa chướng giải thoát, thì tâm hữu lậu được giải thoát hay tâm vô lậu được giải thoát?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm hữu lậu được giải thoát. Vì sao? Vì khi không có tâm định nên được giải thoát.

Phê bình: Nên nói rằng: Tâm hữu lậu, tâm vô lậu được giải thoát. Vì sao? Vì thân được giải thoát, thế gian được giải thoát. Nếu lúc không được định diệt, tâm xuất định, nhập định không hiện hành ở thân kia. Nếu đối với thân kia không hiện hành thì đối với thế gian cũng không hiện hành. Nếu khi được định diệt, tâm nhập định, xuất định, tức hiện hành ở trong thân. Vì hiện hành ở trong thân nên ở thế gian cũng hiện hành. Như nói về nghĩa của người câu giải thoát, nghĩa của người khác cũng nên nói như thế.

Hỏi: Vì sao gọi là người Kiên tín?

Đáp: Vì người này dựa vào tín sinh tín, dựa vào tín hữu lậu sinh tín vô lậu, dựa vào tín ràng buộc sinh Tín giải thoát, dựa vào tín lệ thuộc sinh tín không lệ thuộc. Những người như thế với tánh tin nhiều, nếu một lời nói: Này người nam! Ông nên làm ruộng, để tự nuôi sống. Người kia nghe lời nói này, không nghĩ: là mình nên làm hay không nên làm, có thể làm hay không thể làm? Có thích hợp hay không thích hợp? Cứ nghe xong bèn làm.

Nếu lại nói với người đó: Này người nam! Ông nên buôn bán, học tập binh pháp, gôn bạc vua chúa, học thư, toán, số, lấy sự nghiệp này để tự nuôi sống. Người đó không nghĩ rằng: Ta nên làm hay không nên làm, có thể làm hay không thể làm, có thuận tiện hay không thuận tiện, hễ vừa nghe xong là làm.

Nếu lại nói: Này người nam! Ông nên xuất gia! Người kia không nghĩ rằng: Ta nên xuất gia hay không nên xuất gia? Là có thuận tiện hay không thuận tiện? Có thể gìn giữ phạm hạnh hay không thể gìn giữ phạm hạnh? Nghe nói rồi là xuất gia ngay. Xuất gia rồi nếu lại nói: Tỳ-kheo! Ông nên khuyến hóa! Người kia không suy nghĩ đối với việc khuyến hóa, ta có năng lực chăng? Có khả năng biện minh hay không nghe nói xong là làm ngay.

Nếu lại nói: Tỳ-kheo! Thầy nên học, tụng tập! Người kia không nghĩ là mình có khả năng làm việc, tụng tập hay không là nên tụng tập Tu-đa-la, hay Tỳ-ni, hay A-tỳ-đàm? Nghe xong là tụng tập ngay.

Nếu lại nói: Tỳ-kheo! Thầy nên cư trú chốn A-luyện-nhã, hành pháp A-luyện-nhã. Người ấy cũng không nghĩ rằng: Mình có thể hay không thể? Nghe xong là làm ngay.

Do nhân duyên này chuyển biến gần Thánh đạo, người kia, vào thời gian sau sinh pháp Thế đệ nhất, kể là sinh khổ pháp nhãn, cho đến khi chưa được đạo tử trí, đối với khoảng mười lăm tâm của kiến đạo, đó gọi là người Kiên tín.

Hỏi: Vì sao gọi là người Kiên pháp?

Đáp: Người này do pháp sinh pháp, do pháp thế gian sinh pháp xuất thế gian, do pháp hữu lậu sinh pháp vô lậu, do pháp ràng buộc sinh ra pháp không ràng buộc.

Những người như thế v.v... với bản tánh ưa suy nghĩ, cân nhắc, nếu Lại có người nói: này anh! Anh nên cày ruộng, để tự nuôi sống. Người kia bèn tư duy, cân nhắc: ta có thể làm hay không, có thích hợp hay không? Nói rộng như người Kiên tín.

Thấy đều tư duy lưỡng xét, do nhân duyên này, chuyển gần Thánh đạo, người ấy về sau sinh ra pháp Thế đệ nhất, kể là sinh khổ pháp nhãn, cho đến khi chưa sinh đạo tử trí, ở trong khoảng mười lăm tâm của kiến đạo, đó gọi là người Kiên pháp.

Hỏi: Người Kiên tín có ngần ấy tín, cũng có ngần ấy tuệ. Người Kiên pháp có ngần ấy tuệ, cũng có ngần ấy tín, vì sao một người gọi Kiên tín, còn một người gọi là Kiên pháp?

Đáp: Hoặc tin vào lời nói của người khác mà vào Thánh đạo,

hoặc bên trong tự suy nghĩ mà nhập Thánh đạo. Nếu người do tin theo lời người khác mà nhập Thánh đạo, thì gọi là người Kiên tín. Nếu bên trong tự tư duy mà nhập Thánh đạo, thì gọi là người Kiên pháp.

Lại nữa, hoặc có người do định mà vào đạo Thánh, hoặc có người do tuệ mà nhập đạo Thánh. Nếu người do định mà vào đạo Thánh, gọi là Kiên tín. Nếu người do tuệ mà vào đạo Thánh thì gọi là Kiên pháp. Như do định, do tuệ, định nhiều, tuệ nhiều, ưa định, ưa tuệ, căn tánh chậm lụt, căn tánh nhạy bén, sức nghe pháp từ người khác, dựa vào sức tư duy bên trong, gần thiện tri thức, nghe chánh pháp, bên trong tự suy nghĩ, như pháp tu hành, trước dùng định tu tâm, sau được tuệ giải thoát, trước dùng tuệ tu tâm, sau được định giải thoát. Hoặc có người được định nội tâm, không được tuệ, hoặc có kẻ được tuệ, không được định nội tâm, nghiêng nhiều về không tham, nghiêng nhiều về không si, nói cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao gọi là Tín giải thoát?

Đáp: Dùng tín quán tín, từ tín được tín. Dùng tín quán tín, nghĩa là dùng tín của kiến đạo để quán tín của tu đạo.

Từ tín được tín: Từ tín của hướng đạo, được tín của quả đạo, đó gọi là Tín giải thoát.

Lại nữa, người này do niềm tin, nên đối với ba kiết, tâm được giải thoát, đó gọi là Tín giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiến đáo?

Đáp: Vì người này dùng kiến đến kiến, dùng kiến của kiến đạo, đến kiến của tu đạo, dùng kiến thuộc về hướng đạo để hướng đến kiến thuộc quả đạo.

Lại nữa, người này do kiến, nên đối với ba kiết, tâm được giải thoát, gọi là Kiến đáo.

Hỏi: Như Tín giải thoát cũng có thể nói là Tín đáo, như Kiến đáo cũng có thể nói là Kiến giải thoát. Vì sao một nói là Tín giải thoát, một nói là Kiến đáo?

Đáp: Nên nói như nói Tín giải thoát, cũng nên nói là Tín đáo. Như nói Kiến đáo, cũng nên nói là Kiến giải thoát, nhưng không nói là có ý gì?

Đáp: Vì muốn biểu hiện các thứ văn, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao gọi là thân chứng?

Đáp: Nếu Tín giải thoát, hoặc Kiến đáo được định diệt, bỏ tên gọi Tín giải thoát, Kiến đáo, được tên gọi thân chứng.

Là bỏ những gì, được những gì? Pháp sư nước ngoài đã nói rằng:

Bỏ tên gọi được tên gọi, bỏ đạo được đạo. Bỏ tên gọi nghĩa là bỏ tên gọi Tín giải thoát, Kiến đạo. Được tên gọi nghĩa là được tên gọi Thân chứng. Bỏ đạo nghĩa là bỏ đạo Tín giải thoát, Kiến đạo. Được đạo nghĩa là được đạo thân chứng.

Sa-môn nước Kế-tân nói rằng: Bỏ tên gọi được tên gọi, nghĩa là bỏ tên gọi Tín giải thoát, Kiến đạo, được tên gọi thân chứng. Nếu không được định diệt mà được quả A-la-hán, thì gọi là Tuệ giải thoát. Nếu được định diệt, được quả A-la-hán, thì gọi là Câu giải thoát.

Hỏi: Như trong kiến đạo có hai người: Kiên tín và Kiên pháp. Trong Tu đạo có hai người: Tín giải thoát và Kiến đạo, vì sao trong đạo Vô học chỉ nói một người?

Đáp: Hoặc có khi dùng đạo thế tục, lia dục cõi Dục, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ, hoặc dùng đạo vô lậu, nếu khi lia dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, hợp thành một đạo, nên chỉ nói một người.

Lại nữa, hoặc có người nghiêng về hành tham, hoặc có người thì không, nếu khi lia dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trong thân không có tham, vì đồng một tướng nên chỉ nói một người.

Lại nữa, hoặc có người nghiêng về hành si, hoặc có người không, nếu khi lia dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trong thân không có si, vì đồng một tướng, nên chỉ nói một người. Đối với người nghiêng về hành mạn, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, vì giải thoát bình đẳng, như nói: Như lai Đẳng Chánh Giác, đã được giải thoát dứt hết lậu và giải thoát mà Tỳ-kheo A-la-hán đã chứng được, hai giải thoát này đều bình đẳng, không có khác nhau.

Lại nữa, vì đều cùng trừ bỏ ngọn núi phiền não của ba cõi, đều cùng không muốn hữu của vị lai và đều cùng mở ra đường ra khỏi sau cùng.

Lại có thuyết nói: Địa Vô học cũng nói hai hạng người:

1. Thời giải thoát.
2. Bất thời giải thoát.

Hỏi: Nếu vậy thì bậc Thánh sẽ có sáu: Kiến đạo có hai người Kiên tín và Kiên pháp. Tu đạo có hai người: Tín giải thoát, Kiến đạo. Đạo Vô học có hai: Thời giải thoát và bất thời giải thoát.

Sao Luận Thi Thiết nói có bảy người?

Đáp: Vì năm việc, nên Luận Thi Thiết nói có bảy người:

1. Do phương tiện.
2. Do căn.
3. Do định.

4. Do giải thoát.

5. Do định, do giải thoát.

Do phương tiện: Là Kiên tín, Kiên pháp.

Do căn: Là Tín giải thoát, Kiến đạo.

Do định: Là thân chứng.

Do giải thoát: Là Tuệ giải thoát.

Do định, do giải thoát: Là Câu giải thoát.

Nên nói một người Kiên tín, như một người trong bảy người. Do căn, nên nói ba người Kiên tín, nghĩa là căn thượng trung hạ. Do tánh nên nói năm người Kiên tín, nghĩa là từ pháp lui sụt, cho đến tất thắng tiến. Do đạo nên nói mười lăm người Kiên tín, nghĩa là từ Khổ pháp nhẫn cho đến đạo tử nhẫn. Vì lìa dục, nên nói có bảy mươi ba người Kiên tín: Cõi Dục có người ràng buộc đủ, có người lìa một thứ dục, cho đến lìa chín thứ dục.

Sơ thiên lìa chín thứ dục, không có người ràng buộc đủ. Vì sao? Vì đã lìa dục cõi Dục. Tức là ràng buộc đủ của Sơ thiên, cho đến lìa một thứ dục cho đến chín thứ dục của Vô sở hữu xứ.

Thân là đối tượng nương dựa: Diêm-phù-đề có bảy mươi ba. Cù-đà-di có bảy mươi ba. Phát Bà-đề có bảy mươi ba. Bốn Thiên vương cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, đều có bảy mươi ba. Nếu mỗi sát-na mỗi thân, thì có vô lượng vô biên người Kiên tín. Trong đây nói chung là một người Kiên tín. Người Kiên pháp nói cũng giống như thế, chỉ trừ do tánh. Vì sao? Vì người ấy là tánh bất động.

Nên nói một hạng người Tín giải thoát, như một người trong bảy người. Do căn nên nói ba, do tánh nên nói năm, do lìa dục nên nói tám mươi hai.

Cõi Dục ràng buộc đủ, lìa một thứ dục cho đến lìa chín thứ dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ cũng như thế. Lìa một thứ dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, cho đến lìa tám thứ dục và khi dứt trừ dục thứ chín.

Thân, đối tượng nương dựa: Ở cõi Dục có tám mươi hai Sơ thiên có bảy mươi ba, đệ Nhị thiên có sáu mươi bốn, đệ Tam thiên có năm mươi lăm, đệ Tứ thiên có bốn mươi sáu, Không xứ có ba mươi bảy, Thức xứ có hai mươi tám, Vô sở hữu xứ có mười chín, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có mười. Ràng buộc đủ dứt trừ tám thứ dục và khi dứt trừ loại dục thứ chín, nếu do thân, do sát-na, thì có vô lượng vô biên Tín giải thoát. Ở đây nói chung là một người Tín giải thoát. Như Tín giải thoát, Kiến đạo nói cũng giống như thế, chỉ trừ do tánh. Vì sao? Vì người ấy là tánh

bất động.

Nên nói là một người thân chứng, như một người trong bảy người. Vì căn nên nói là ba, vì tánh nên nói sáu, vì lìa dục nên nói mười.

Phi tướng Phi phi tướng xứ ràng buộc đủ, lìa một thứ dục, cho đến lìa tám thứ dục và khi dứt trừ loại dục thứ chín.

Thân là đối tượng nương dựa: Cõi Dục có chín, cõi Sắc có chín, cõi Vô sắc có chín. Nếu do thân, do sát-na thì sẽ có vô lượng, vô biên. Trong đây nói chung là một người thân chứng. Nên nói một người Tuệ giải thoát, như một người trong bảy người, do căn nên nói ba, do tánh nên nói sáu. Thân là đối tượng nương dựa: Có ba, dựa vào thân cõi Dục, thân cõi Sắc, thân cõi Vô sắc. Nếu ở thân, do sát-na nên có vô lượng vô biên. Ở đây nói chung là một người Tuệ giải thoát. Câu giải thoát cũng giống như thế.

Người Kiên tín đối với ba kiết này, có bao nhiêu kiết thành tựu, bao nhiêu kiết không thành tựu? Trước đã nói rằng: Tôn giả kia dùng người làm chương, dùng phiền não làm môn. nay muốn dùng môn phiền não để nói về người.

Người Kiên tín, khổ tử trí chưa sinh, đối với ba kiết này, tất cả thành tựu, hoặc sinh hai thành tựu, là giới thủ và nghi, một không thành tựu là thân kiến, phần còn lại nói rộng như kinh này. Cho đến lìa ái sắc, diệt tử trí sinh cõi Dục, cõi Sắc, tất cả không thành tựu và chỗ dứt của khổ, tập, diệt cõi Vô sắc, tất cả không thành tựu, pháp còn lại là thành tựu.

Hỏi: Vì sao không nói đạo tử trí?

Đáp: Nếu đạo tử trí sinh thì gọi là Tín giải thoát. Như Kiên tín, Kiên pháp cũng giống như thế. Vì sao? Vì hai thứ này địa bình đẳng, đạo bình đẳng, lìa dục bình đẳng, thân nương dựa bình đẳng, định bình đẳng, nơi sinh bình đẳng, chỉ căn là có khác nhau. Nếu người căn tánh chậm lụt gọi là Kiên tín, người căn tánh nhạy bén gọi là Kiên pháp.

Người Tín giải thoát đối với ba kiết này, tất cả không thành tựu, nói rộng như kinh này. Như Tín giải thoát, Kiến đáo cũng giống như thế.

Vì sao? Vì hai người này địa đồng nhau, đạo đồng nhau, lìa dục ngang bình đẳng, thân đối tượng nương dựa đồng nhau, định bình đẳng, nơi sinh đồng nhau, chỉ có căn là khác nhau. Nếu người căn tánh chậm lụt, gọi là Tín giải thoát, nếu người có căn tánh nhạy bén, gọi là Kiến đáo.

Người thân chứng đối với ba kiết này, tất cả không thành tựu. Phần còn lại nói rộng như kinh này. Ở đây, nên lập luận.

Có bậc Thánh nào thành tựu chín mươi tám sử hay không?

Đáp: Có. Người ràng buộc đủ, lúc trụ trong khổ pháp nhãn.

Có người nào dứt tám mươi tám sử, không dứt mười sử mà không được quả hay chẳng?

Đáp: Có. Người đã lìa sắc ái, được chánh quyết định, lúc diệt tỷ trí, ba mươi sáu sử cõi Dục đã dứt, ba mươi một sử cõi Sắc, hai mươi một sử, chỗ dứt trừ của khổ, tập, diệt đế cõi Vô sắc. Mười không dứt, nghĩa là bảy sử, chỗ dứt của đạo đế ở cõi Dục, ba sử, chỗ dứt của Tu đạo, người kia không được quả. Vì sao? Vì là hướng đạo.

Có khi nào chín mươi tám sử được dứt mà chẳng phải A-la-hán chẳng?

Đáp: Có. Lìa dục của Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, ba mươi sáu sử cõi Dục đã dứt, ba mươi một sử cõi Sắc, ba mươi một sử cõi Vô sắc, Không xứ, Thức xứ, vô sở hữu xứ, người đó chẳng phải A-la-hán. Vì sao? Vì người phạm phu cũng dứt.

Phê bình: Không nên lập luận như thế. Vì sao? Vì giới, nên lập phiền não, không do địa.

Thân kiến, đối với thân kiến có bao nhiêu duyên?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì duyên không có tự thể, như phái Thí dụ giả nói: Vì sao người kia nói như thế?

Đáp: Vì người kia dựa vào kinh Phật. Kinh Phật nói: Vô minh duyên hành, vô minh là hành của một tướng.

Là ngàn ấy tướng, làm sao pháp của một tướng làm duyên cho ngàn ấy tướng?

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Các sư đã nói: Duyên chỉ có danh mà không có tự thể.

Vì ngăn dứt ý của thuyết như thế, cũng nói duyên có thật thể. Nếu duyên không có tự thể, thì tất cả các pháp cũng không có tự thể. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu vi đều là nhân duyên, duyên Thứ đệ, trừ tâm sau cùng của A-la-hán ở quá khứ, hiện tại, còn lại là tất cả pháp tâm, tâm sở ở quá khứ, hiện tại. Duyên cảnh giới, duyên oai thế, là tất cả pháp.

Lại nữa, nếu duyên không có thể, thì tất cả các pháp đều không có nghĩa sâu xa. Nếu các pháp không dùng tướng duyên để quán sát thì cạn, gần dễ nhận biết. Ngược lại, nếu dùng tướng duyên để quán sát các pháp, thì chúng sâu hơn bốn biển, chỉ có trí Phật mới biết được, người khác chẳng thể biết.

Lại nữa, nếu duyên không có tự thể, thì không lập ba thứ Bồ-đề. Nếu dùng trí phẩm thượng để quán sát tướng duyên, thì gọi là Bồ-đề

của Phật. Nếu dùng trí phẩm trung để quan sát thì gọi là Bồ-đề của Bích-chi Phật. Nếu dùng trí phẩm hạ, thì gọi là Bồ-đề của Thanh văn.

Lại nữa, nếu duyên không có tự thể, thì sẽ không có sự khác nhau giữa giác ngộ thượng, trung, hạ. Người giác ngộ phẩm hạ thường là giác phẩm hạ. Người giác ngộ phẩm trung thường là giác phẩm trung. Người giác phẩm thượng, thường là giác phẩm thượng. Vì quán tướng duyên, nên giác bậc hạ có thể khiến thành bậc trung, giác bậc trung thành bậc thượng. Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói: Nếu duyên không có tự thể, thì thầy không thể dạy trao cho đệ tử, khiến tánh giác tăng rộng. Do duyên có tự thể nên thầy dạy đệ tử, giác bậc hạ thành bậc trung, giác bậc trung thành bậc thượng, xưa là học trò, về sau làm thầy.

Vì việc này, nên biết duyên thật sự có thể tướng.

Hỏi: Nếu duyên thật sự có thể, thì kinh do phái Thí Dụ giả nói, làm sao hiểu?

Đáp: Thể của vô minh dù là một tướng, nhưng đối tượng tác động có ngần ấy, do có ngần ấy nghĩa môn nên làm duyên cho hành. Giống như một người có năm khả năng, tuy là một mà có năm khả năng, vô minh kia cũng giống như thế.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì muốn tỏ bày tánh của tất cả pháp hữu vi đều yếu kém, không có tự lực, do người khác, không tự tại, không muốn tạo tác, nên soạn luận này.

Hoặc có thuyết nói: Tự tánh của pháp hữu vi yếu kém.

Hoặc có thuyết nói: Do nhân duyên sinh yếu kém, nên tánh yếu kém, như nói: Tỳ-kheo phải biết! Sắc là vô thường, nhân duyên có thể sinh ra sắc cũng là vô thường. Nhân duyên sinh, sắc, làm sao là thường? Vì tánh của pháp hữu vi yếu kém: Hoặc có pháp từ bốn duyên sinh, ba duyên sinh, hai duyên sinh, cho đến không có từ một duyên nào sinh, hướng chi là không có duyên. Như đa số người bệnh ốm yếu, hoặc cần bốn người dìu đỡ, hoặc cần ba người, hoặc cần hai người, cho đến không có một người nào dìu đỡ, hướng chi là không người nâng đỡ mà người bệnh có thể đứng dậy? Vô minh kia cũng giống như thế.

Không có tự lực, nghĩa là không còn thể dụng của sức mình mà có thể sinh.

Do người khác: Nghĩa là nếu không có tự lực, thì gọi là do người khác.

Không tự tại: Là chớ để cho Ngã sinh, chớ để cho ngã diệt, không được tự tại.

Không có điều muốn tạo tác, nghĩa là không có tâm muốn làm như

thế, ai làm cho ta, ta sẽ làm, đâu muốn bày tỏ tánh của các pháp là yếu kém. Cho đến vì không có điều muốn làm, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận như thế là vì muốn ngăn lỗi của pháp duyên khởi. Hoặc cho rằng: Pháp duyên chỉ vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên già chết, lại không còn có pháp duyên khởi. Vì muốn khiến cho nghĩa này được quyết định, nếu pháp từ duyên sinh, tức là duyên khởi. Trong đây, nên nói dụ của Tăng-già-bà-tu.

Cho nên, vì muốn ngăn nghĩa của người khác, và hiển bày nghĩa của mình, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thân kiến đối với thân kiến, có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia soạn luận? Trong đây hỏi thân kiến đối với thân kiến có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên. Như Kiền-độ Trí hỏi: Pháp trí đối với Pháp trí có mấy duyên? Đáp: Nhân duyên, duyên thứ đệ, duyên cảnh giới, duyên oai thế.

Vì ý của người soạn luận muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì bày tỏ hai môn, hai tóm lược, cho đến nói rộng.

Thân kiến này đối với thân kiến có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên.

Hỏi: Pháp trí đối với pháp trí có bao nhiêu duyên? Lẽ ra cũng giống như thế?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên.

Pháp trí kia đối với pháp trí có bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên duyên thứ đệ, duyên cảnh giới, duyên oai thế. Trong đây, thân kiến đối với thân kiến có bao nhiêu duyên, cũng nên đáp như thế này: Nhân, thứ lớp, cảnh giới, oai thế.

Lại nữa, thuyết này là liễu nghĩa, thuyết kia chưa liễu nghĩa, cho đến nói rộng. Thuyết này là thật đế, thuyết kia là thế đế.

Lại nữa, trong đây phân biệt bốn pháp.

1. Phân biệt cõi.
2. Phân biệt đời.
3. Phân biệt sát-na.
4. Phân biệt thứ lớp.

Thuyết kia chỉ phân biệt thứ lớp.

Thân kiến đối với thân kiến có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên, bốn duyên ấy là: Thân kiến theo thứ lớp sinh thân kiến, tức duyên theo thân kiến đã sinh trước.

Thân kiến đã sinh trước làm bốn duyên cho thân kiến sau, đó là nhân, duyên thứ đệ, duyên cảnh giới, duyên oai thể. Như sát-na của một thân kiến, kế sau, là sinh sát-na của thân kiến thứ hai. Nếu thân kiến sinh sau duyên với thân kiến sinh trước, thì thân kiến sinh trước sẽ làm bốn duyên cho thân kiến sinh sau, đó là nhân duyên, duyên thứ đệ, duyên cảnh giới và oai thể.

Nhân duyên: Có hai nhân, là nhân tương tự và nhân nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Thân kiến sinh sau, kế là sinh sau của thân kiến trước.

Duyên cảnh giới: Thân kiến sinh sau, tức duyên theo thân kiến đã sinh trước.

Nhân duyên: như pháp chủng tử.

Duyên Thứ đệ, như pháp mở mang, dẫn dắt.

Duyên cảnh giới, như cách chống gậy đứng dậy.

Duyên oai thể, là pháp không chướng ngại nhau. Thân kiến sinh sau vì thọ nhận oai thể bốn duyên của thân kiến sinh trước, nên có thể chuyển vận ở đời, có thể nhận lấy quả, có thể có chỗ tạo tác có thể biết cảnh giới.

Thế nào là ba?

Đáp: Như thân kiến, theo thứ lớp sinh thân kiến, không duyên với thân kiến trước. Thân kiến sinh trước đối với thân kiến sau là nhân, thứ lớp, duyên oai thể, không có duyên cảnh giới. Như sát-na của một thân kiến, kế sinh sát na của thân kiến thứ hai sinh, thân kiến sinh sau dù không duyên với thân kiến sinh trước, nhưng hoặc duyên theo sắc ấm, hoặc duyên thọ ấm, hoặc duyên tưởng ấm, hoặc duyên thức ấm, trừ thân kiến, hoặc duyên với hành ấm còn lại. Thân kiến sinh trước làm ba duyên cho thân kiến sinh sau, Thứ đệ, Oai thể, không có duyên cảnh giới.

Nhân duyên: Có hai nhân: Nhân tương tự, Nhân nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Thân kiến sinh sau, thứ lớp sinh sau thân kiến trước.

Không có cảnh giới do không duyên với thân kiến trước.

Nhân duyên: Như pháp chủng tử.

Duyên Thứ đệ: như pháp mở mang, dẫn dắt.

Duyên oai thể: Là pháp không chướng ngại. Thân kiến sinh sau, vì thọ nhận ba duyên của thân kiến trước, nên có thể hành ở đời, có thể nhận lấy quả, có thể có sở tác, có thể biết duyên, có thể biết cảnh

giới.

Lại có ba duyên: Như thân kiến theo thứ lớp sinh tâm không tương tự, sau lại sinh thân kiến, tức duyên với thân kiến trước, thân kiến đã sinh trước và thân kiến sinh sau là nhân duyên duyên cảnh giới, duyên oai thể, không có duyên thứ đệ. Như sau một sát-na của thân kiến, bất sinh thân kiến của sát-na thứ hai, hoặc sinh biên kiến, hoặc sinh tà kiến, hoặc sinh giới thủ, hoặc sinh kiến thủ, hoặc sinh nghi, hoặc sinh ái, giận, mạn, vô minh, hoặc sinh thiện hữu lậu, tâm vô ký không ẩn một, lại sinh thân kiến, tức duyên với thân kiến sinh trước. Thân kiến đã sinh trước làm ba duyên cho thân kiến sinh sau, nghĩa là nhân duyên duyên cảnh giới, duyên oai thể, không có duyên thứ đệ, vì sinh tâm không tương tự.

Duyên cảnh giới: Vì duyên với thân kiến trước, nên thân kiến sinh sau sẽ thọ nhận thể dụng của ba duyên thân kiến sinh trước, nên có thể hành ở đời, cho đến nói rộng.

Thế nào là hai? Như thân kiến theo thứ lớp sinh tâm không tương tự. Thân kiến sinh sau không duyên với thân kiến sinh trước. Thân kiến sinh trước đối với thân kiến sinh sau là nhân duyên, duyên oai thể, không có duyên cảnh giới, duyên thứ đệ. Như sau một sát-na của thân kiến, không sinh sát-na của thân kiến thứ hai, hoặc sinh biên kiến, cho đến sinh tâm thiện, vô ký không ẩn một, lại sinh thân kiến, dù không duyên với thân kiến trước, hoặc duyên sắc ấm cho đến thức ấm, trừ thân kiến, cũng duyên với hành ấm còn lại. Thân kiến sinh trước làm hai duyên cho thân kiến sinh sau là Nhân duyên, Duyên oai thể.

Nhân duyên: Có hai nhân, là nhân tương tự và nhân Nhất thiết kiến.

Duyên oai thể: Vì không có chướng ngại, không có duyên cảnh giới, vì không duyên với thân kiến trước. Không có duyên Thứ đệ, vì thân kiến sinh sau, không theo thứ lớp sinh sau thân kiến trước. Thân kiến sinh sau, thọ nhận thể dụng nơi hai duyên của thân kiến trước, nên có thể hiện hành ở đời, nói rộng như trên.

Thế nào là một? Thân kiến sinh sau, đối với thân kiến sinh trước, nếu duyên là Duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu không duyên thì chỉ một Duyên oai thể.

Hỏi: Vì sao hỏi một duyên mà đáp hai duyên?

Đáp: Các luận sư soạn luận, hoặc có khi tránh lỗi trước, rồi mới đáp, có khi đáp trước rồi mới tránh lỗi.

Tránh lỗi trước, rồi mới đáp: Như thuyết này: Thân kiến sinh sau,

đối với thân kiến sinh trước, nếu tạo ra cảnh giới tức là duyên cảnh giới, duyên oai thể. Đó gọi là tránh lỗi, không tạo ra cảnh giới thì chỉ một duyên oai thể, đó gọi là đáp.

Đáp trước, rồi mới tránh lỗi: Như phẩm Nhất Hành nói: Nếu sinh trước không dứt là lệ thuộc. Đó gọi là đáp. Nếu trước không sinh, sinh nghĩa là đã dứt, là không lệ thuộc. Đó gọi là tránh lỗi.

Lại có thuyết nói: Đó gọi là đáp, không gọi là tránh lỗi, thân kiến hoặc có một duyên, hoặc có hai duyên. Thân kiến vị lai đối với thân kiến quá khứ, hiện tại, nếu tạo ra cảnh giới là duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu không tạo cảnh giới thì chỉ một duyên oai thể. Thân kiến vị lai, hiện tại, đối với thân kiến quá khứ, nếu tạo ra cảnh giới là duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu không tạo ra cảnh giới, thì chỉ một duyên oai thể. Nếu thân kiến quá khứ duyên theo thân kiến vị lai, hiện tại, nên sinh, thân kiến vị lai, hiện tại đối với thân kiến quá khứ, tạo ra hai duyên là duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu thân kiến quá khứ không duyên theo thân kiến vị lai, hiện tại mà sinh, thì thân kiến vị lai, hiện tại đối với thân kiến quá khứ, sẽ tạo ra một Duyên oai thể.

Hỏi: Như các việc thân kiến tạo tác đã xong, không còn có khả năng, vì sao nói như thế? Nếu duyên tạo ra duyên cảnh giới, Duyên oai thể, nếu không duyên thì chỉ một Duyên oai thể?

Đáp: Thân kiến quá khứ lúc ở đời hiện tại, duyên với thân kiến vị lai, duyên rồi diệt mất, rơi vào quá khứ. Mặc dù diệt, rơi vào quá khứ, nhưng lại không có chỗ tạo tác, tức do chỗ tạo tác trước mà nói. Thân kiến cõi Dục đối với thân kiến cõi Sắc, chỉ một Duyên oai thể, không có nhân duyên. Vì sao? Vì địa, do cõi, vì nhân đều khác, nên không có duyên Thứ đệ. Vì sao? Vì không có tâm nhiễm ô, nên sau khi qua đời sẽ sinh lên địa trên.

Không có duyên cảnh giới. Vì sao? Vì không duyên với phiền não phẩm hạ. Có duyên oai thể, vì không chướng ngại nhau.

Thân kiến cõi Sắc đối với thân kiến cõi Dục, nếu tạo tác theo thứ lớp, là duyên Thứ đệ, Duyên oai thể. Nếu không tạo tác theo thứ lớp, thì chỉ một Duyên oai thể.

Trụ nơi thân kiến cõi Sắc, qua đời với tâm, do tâm đều có của thân kiến cõi Dục, nên đã khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Thân kiến cõi Sắc đối với thân kiến cõi Dục tạo ra hai duyên là duyên Thứ đệ và Duyên oai thể.

Duyên Thứ đệ: Do thân kiến cõi Dục, kế là thân kiến cõi Sắc sinh sau.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên. Vì sao? Vì địa, do cõi, vì nhân đều khác.

Không có duyên cảnh giới, vì thân kiến không duyên cõi khác.

Nếu trong cõi Sắc, không trụ nơi thân kiến qua đời với tâm, do tâm đi chung của thân kiến cõi Dục, khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Thân kiến cõi Sắc đối với thân kiến cõi Dục có một duyên oai thế, không có duyên Thứ đệ. Có duyên oai thế như trên đã nói.

Thân kiến cõi Dục đối với thân kiến cõi Sắc, có một duyên oai thế.

Thân kiến cõi Vô sắc đối với thân kiến cõi Dục, nếu tạo tác theo thứ lớp thì có duyên Thứ đệ, duyên oai thế, nếu không tạo tác theo thứ lớp thì có một duyên oai thế, nói rộng như trên.

Thân kiến cõi Sắc đối với thân kiến cõi Vô sắc có một duyên là duyên oai thế. Thân kiến cõi Vô sắc đối với thân kiến cõi Sắc, nếu tạo tác theo thứ lớp thì có duyên Thứ đệ, Duyên oai thế. Nếu không tạo ra theo thứ lớp, thì chỉ một Duyên oai thế, nói rộng như trên. Như thân kiến đối với thân kiến, thân kiến đối với không Nhất thiết biến, không nhất thiết biến đối với không nhất thiết biến, không nhất thiết biến đối với nhất thiết biến, nghĩa là phẩm hạ đối với phẩm thượng, phẩm thượng đối với phẩm hạ. Vì sao? Vì trong đây nói giới khác duyên với nhất thiết biến là Nhất thiết biến.

Nói tóm lại, sử có mười thứ: Năm kiến, nghi, ái, giận, mạn, vô minh. Mười sử này, năm là Nhất thiết biến, năm chẳng phải nhất thiết biến.

Năm sử là nhất thiết biến: Tà kiến, kiến thủ, giới thủ, nghi, vô minh.

Năm sử chẳng phải nhất thiết biến: Thân kiến, biên kiến, ái, giận, mạn. Văn này nói: Giới khác duyên với nhất thiết biến. Thân kiến, biên kiến ở trong không nhất thiết biến. Như thân kiến đối với thân kiến như thế, thân kiến đối với không nhất thiết biến, là như thân kiến đối với biên kiến, đối với ái, đối với giận, đối với mạn. Đó gọi là thân kiến đối với không nhất thiết biến, không nhất thiết biến đối với không nhất thiết biến là như biên kiến đối với biên kiến, đối với ái, đối với giận, đối với mạn, đối với thân kiến. Ái đối với ái, đối với giận, đối với mạn, đối với biên kiến, đối với thân kiến. Giận đối với giận, đối với mạn, đối với ái, đối với thân kiến, đối với biên kiến. Mạn đối với mạn, đối với thân kiến, đối với biên kiến, đối với ái, đối với giận. Đó gọi là không nhất thiết biến đối với không nhất thiết biến. Không nhất thiết biến đối với

nhất thiết biến là như thân kiến đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với giới thủ, đối với nghi, đối với vô minh.

Như thân kiến, biên kiến, ái, giận, mạn, nói cũng giống như thế. Đó gọi là không nhất thiết biến đối với nhất thiết biến.

Thân kiến đối với giới thủ có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hoặc có bốn, ba, hai, một duyên. Thế nào là bốn duyên? Như thân kiến theo thứ lớp sinh giới thủ, tức duyên theo thân kiến, thân kiến sinh trước đối với giới thủ sinh sau là nhân duyên, duyên thứ đệ, Duyên cảnh giới, duyên oai thế. Như sau sát-na của một thân kiến, theo thứ lớp sinh sát-na của giới thủ. Nếu giới thủ sinh sau duyên theo thân kiến trước, thì thân kiến sinh trước sẽ làm bốn duyên cho giới thủ sinh sau, là có duyên: nhân, thứ lớp, cảnh giới, oai thế.

Nhân duyên có hai nhân: Nhân tương tự và nhân nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Giới thủ, kế là thân kiến sinh sau.

Duyên cảnh giới: Giới thủ sinh sau vì duyên với thân kiến trước nên sinh.

Nhân duyên: Như pháp chủng tử, cho đến duyên oai thế, là pháp không chướng ngại nhau. Giới thủ sinh sau, thọ nhận thân kiến trước. Vì thế dụng của bốn duyên nên có thể chuyển vận ở đời, nói rộng như trên.

Thế nào là ba duyên?

Đáp: Như thân kiến theo thứ lớp sinh giới thủ, không duyên với thân kiến. Thân kiến sinh trước đối với giới thủ sinh sau là các duyên nhân, thứ lớp, oai thế, không có duyên cảnh giới. Như sau sát-na của một thân kiến, theo thứ lớp sinh sát-na của giới thủ. Mặc dù giới thủ không duyên với thân kiến, hoặc duyên với sắc ấm, cho đến thức ấm, hoặc duyên với hành ấm còn lại của thân kiến còn lại. Thân kiến sinh trước đối với giới thủ sinh sau có ba duyên, không có duyên cảnh giới. Nhân duyên: Có hai nhân: Nhân tương tự và nhân nhất thiết biến.

biến.

Duyên Thứ đệ: Giới thủ sinh sau, kế là thân kiến sinh trước là sinh sau.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có duyên cảnh giới: Giới thủ sinh sau, vì không duyên với thân kiến trước nên giới thủ sinh sau, thọ nhận thế dụng nơi ba duyên của thân kiến sinh trước, nên có thể hiện hành ở đời, nói rộng như trên.

Lại có ba duyên, hai duyên, một duyên, nói rộng như thân kiến.

Thân kiến cõi Dục đối với giới thủ cõi Sắc, có một duyên oai thể, nói rộng như trên.

Thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Dục, nếu tạo tác theo thứ lớp, không tạo tác cảnh giới, có duyên Thứ đệ, duyên oai thể. Như trụ nơi thân kiến cõi Sắc qua đời với tâm, do tâm đi chung của giới thủ cõi Dục, khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Giới thủ cõi Dục không duyên với thân kiến cõi Sắc, thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Dục có duyên Thứ đệ, duyên oai thể, nếu tạo cảnh giới, không tạo thứ lớp thì có duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu không trụ nơi thân kiến cõi Sắc, qua đời, với tâm, thì với tâm đều cùng có của giới thủ cõi Dục, sẽ làm cho sự sinh nối tiếp nhau, tức duyên với thân cõi Sắc. Thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Dục có hai duyên là duyên cảnh giới, duyên oai thể. Nếu tạo ra duyên thứ đệ, duyên cảnh giới, duyên oai thể, thì có duyên thứ lớp, cảnh giới, oai thể. Như trụ nơi thân kiến cõi Sắc, qua đời với tâm, giới thủ cõi Dục với tâm đều cùng có, khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Giới thủ cõi Dục, tức duyên với thân kiến cõi Sắc. Thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Dục có ba duyên: Duyên thứ lớp, Cảnh giới, oai thể.

Duyên Thứ đệ: Giới thủ cõi Dục, kế là sinh sau thân kiến cõi Sắc.

Duyên cảnh giới: Giới thủ cõi Dục vì duyên với thân kiến cõi Sắc nên sinh.

Duyên oai thể: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên, do giới, do địa, vì nhân đều khác. Nếu không tạo ra duyên thứ lớp, không tạo ra duyên cảnh giới, thì chỉ một duyên oai thể. Nếu không trụ nơi thân kiến cõi Sắc qua đời, với tâm, do giới thủ cõi Dục, với tâm đều cùng có, khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Vì không duyên với thân kiến cõi Sắc để sinh, thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Dục, có một duyên oai thể, không có nhân duyên, do giới, do địa, nhân đều khác.

Không có duyên thứ đệ, do không kế sinh sau thân kiến cõi Sắc. Không có duyên cảnh giới, vì không duyên theo thân kiến cõi Sắc. Do không chướng ngại nhau, nên chỉ một duyên là duyên oai thể.

Thân kiến cõi Dục đối với giới thủ cõi Vô sắc là một duyên oai thể. Thân kiến cõi Vô sắc đối với giới thủ cõi Dục, nói rộng như trên.

Thân kiến cõi Sắc đối với giới thủ cõi Vô sắc, nói rộng như trên. Thân kiến cõi Vô sắc đối với giới thủ cõi Sắc, nói rộng như trên. Như

thân kiến đối với giới thủ, đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với nghi, đối với vô minh, nói cũng giống như thế. Đó gọi là thân kiến đối với nhất thiết biến. Nhất thiết biến đối với nhất thiết biến: Nghĩa là như tà kiến đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với giới thủ, đối với nghi, đối với vô minh. Kiến thủ đối với kiến thủ, đối với giới thủ, đối với nghi, đối với vô minh, đối với tà kiến.

Giới thủ đối với giới thủ, đối với nghi, đối với vô minh, đối với tà kiến, đối với kiến thủ. Nghi đối với nghi, đối với vô minh, đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với giới thủ. Vô minh đối với vô minh, đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với giới thủ, đối với nghi. Đó gọi là nhất thiết biến đối với nhất thiết biến.

Không nhất thiết biến đối với nhất thiết biến, như thân kiến đối với giới thủ, đối với tà kiến, đối với kiến thủ, đối với nghi, đối với vô minh cũng giống như thế. Như thân kiến, biên kiến, ái, giận, mạn, nói cũng giống như thế. Đó gọi là không nhất thiết biến đối với nhất thiết biến.

Nếu hỏi về các pháp gồm nhiếp, nên dùng nhập để quán sát. Nếu hỏi về trí, nên dùng đế để quán sát. Nếu hỏi về thức, nên dùng giới để quán sát. Nếu hỏi về phiền não, nên dùng chủng để quán sát.

Nếu quán sát như thế, thì thể tướng của pháp sẽ dễ biết, dễ thấy. Trong đây, hỏi về phiền não, nên dùng chủng loại để quán sát. Pháp có năm loại: Loại do thấy khổ mà dứt, cho đến loại do tu đạo dứt. Chỗ dứt của kiến khổ có hai thứ:

1. Nhất thiết biến.
2. Không Nhất thiết biến.

Chỗ dứt của kiến tập cũng giống như thế. Chỗ dứt của kiến diệt có hai thứ:

1. Duyên hữu lậu.
2. Duyên vô lậu.

Chỗ dứt của kiến đạo cũng giống như thế. Chỗ dứt của tu đạo chẳng phải Nhất thiết biến. Chỗ dứt của kiến khổ là Nhất thiết biến. Đối với Nhất thiết biến, mà kiến khổ dứt trừ là nhân duyên, duyên Thứ đệ, Duyên cảnh giới, Duyên oai thế.

Nhân duyên: Có bốn nhân: Nhân tương ưng, Nhân cộng sinh, Nhân tương tự, Nhân Nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Nhất thiết biến, chỗ dứt của kiến khổ, theo thứ lớp sinh Nhất thiết biến, chỗ dứt của kiến khổ.

Duyên cảnh giới: Nhất thiết biến, chỗ dứt của kiến khổ, tức duyên

theo Nhất thiết biến, đối tượng của kiến khổ.

Duyên oai thế: Vì không chương ngại nhau. Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ chỗ dứt trừ của kiến khổ là không Nhất thiết biến làm bốn duyên: Nhân duyên, duyên Thứ đệ, Duyên cảnh giới, Duyên oai thế.

Nhân duyên: Có hai nhân: Nhân tương tự, Nhân Nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Nhất thiết biến kiến khổ dứt trừ, theo thứ lớp sinh ra không Nhất thiết biến là chỗ dứt trừ của kiến khổ.

Duyên cảnh giới: Không Nhất thiết biến, do kiến khổ dứt trừ, duyên theo Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chương ngại nhau. Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, đối với Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ, làm bốn duyên: nhân, thứ lớp, cảnh giới, Oai thế.

Nhân duyên: Một nhân, đó là nhân Nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ, theo thứ lớp sinh Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Nhất thiết biến chỗ dứt trừ của kiến tập, duyên Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chương ngại nhau. Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, đối với không Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ, thấy diệt mà đoạn trừ, kiến đạo dứt trừ, tu đạo dứt trừ là: Nhân, Thứ đệ, oai thế, không có duyên cảnh giới.

Nhân duyên: Một nhân là nhân Nhất thiết biến.

Duyên Thứ đệ: Nhất thiết biến kiến khổ dứt trừ, theo thứ lớp sinh các sử kia.

Duyên cảnh giới: Các sử kia duyên theo tự chủng, không duyên theo chủng người khác.

Duyên oai thế: Vì không chương ngại nhau. Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt. Đối với không Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ làm bốn duyên: nhân, thứ lớp, cảnh giới, oai thế.

Nhân duyên: Có ba nhân: Nhân tương ưng, nhân tương tự và nhân cộng sinh.

Duyên Thứ đệ: Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ. Sau, theo thứ lớp sinh không Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, duyên với không Nhất thiết biến, do kiến khổ dứt trừ. Duyên oai thế:

Vì không chương ngại nhau. Không nhất thiết biến do kiến khổ dứt, đối với Nhất thiết biến, do kiến khổ dứt làm bốn duyên: nhân, thứ lớp, cảnh

giới, oai thế.

Nhân duyên: Có một nhân, là Nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ. Sau, theo thứ lớp sinh Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, duyên với không Nhất thiết biến do kiến khổ mà dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, đối với Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ, làm ba duyên: Thứ đệ, Cảnh giới, Oai thế, không có nhân duyên.

Duyên Thứ đệ: Không Nhất thiết biến là chỗ dứt của kiến khổ. Sau, theo thứ lớp sinh Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ, duyên với không Nhất thiết biến do thấy khổ mà dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau. Không có nhân duyên. Vì sao? Vì không có sử nhất thiết biến, không vì chủng của người khác làm nhân. Không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, đối với không Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ.

Chỗ dứt của kiến diệt, chỗ dứt của kiến đạo, chỗ dứt của tu đạo làm hai duyên: Thứ đệ, oai thế, không có nhân duyên, không có duyên cảnh giới.

Duyên Thứ đệ: Không Nhất thiết biến, chỗ dứt của kiến khổ, sau theo thứ lớp sinh các sử kia.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau, nên không có nhân duyên. Vì sao? Vì không làm nhân cho chủng của người khác.

Không có duyên cảnh giới. Vì sao? Vì không làm sử duyên cho chủng của người khác.

Như Nhất thiết biến, không Nhất thiết biến do kiến khổ dứt trừ, Nhất thiết biến, không Nhất thiết biến do kiến tập dứt trừ, nói cũng giống như thế.

Hữu lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ, đối với duyên hữu lậu do thấy diệt mà đoạn trừ làm bốn duyên: nhân, thứ lớp, cảnh giới, oai thế.

Nhân duyên: Có ba nhân: Nhân tương ứng, nhân cộng sinh, nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: Hữu lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, sau theo thứ lớp sinh hữu lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ.

Duyên cảnh giới: Hữu lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, duyên

với hữu lậu duyên sử do thấy diệt dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau, nên hữu lậu duyên sử do kiến diệt mà đoạn trừ. Đối với vô lậu duyên sử làm ba duyên: nhân, thức đế, oai thế, không có duyên cảnh giới.

Nhân duyên có một nhân là nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: hữu lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ, sau theo thứ lớp sinh vô lậu duyên sử.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau, không có duyên cảnh giới. Vì sao? Vì sử duyên kia là sử vô lậu, là hữu lậu, chỗ dứt của kiến diệt. Hữu lậu duyên sử, đối với kiến khổ, kiến tập dứt trừ Sử nhất thiết biến làm ba duyên: Thứ đệ, Cảnh giới, oai thế, không có nhân duyên.

Duyên Thứ đệ: Hữu lậu duyên sử do kiến diệt mà đoạn trừ, sau theo thứ lớp sinh Sử nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Sử nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, duyên với hữu lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên: Hữu lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ, vì chẳng phải Nhất thiết biến, nên đối với kiến khổ, kiến tập dứt trừ Sử không nhất thiết biến. Đối với Nhất thiết sử hữu do kiến đạo dứt trừ, tu đạo dứt trừ làm hai duyên là Thứ đệ, Oai thế.

Duyên Thứ đệ: Hữu lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ, sau theo thứ lớp sinh sử không nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, là Sử nhất thiết biến do kiến đạo dứt trừ, tu đạo dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên: như trên đã nói.

Không có duyên cảnh giới: Vì các sử kia chẳng phải Nhất thiết biến, nên không duyên với chủng của người khác. Vô lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ, đối với vô lậu duyên sử do thấy diệt mà đoạn trừ làm ba duyên là nhân, thức đế, oai thế, không có duyên cảnh giới.

Nhân duyên: Có ba nhân: Nhân tương ứng, nhân cộng sinh, nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: Vô lậu duyên sử được kiến diệt dứt trừ, sau theo thứ lớp sinh vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có duyên cảnh giới: Sử kia duyên với sử vô lậu, là hữu lậu, nên vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, đối với hữu lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ làm bốn duyên: Nhân, Thứ đệ, Cảnh giới, Oai thế.

Nhân duyên: Có một nhân là nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: Vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, về sau theo thứ lớp, sinh hữu lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Hữu lậu duyên sử do kiến diệt trừ duyên với vô lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau, nên đối với Sử nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ làm ba duyên: Thứ đệ, Cảnh giới, oai thế, không có nhân duyên.

Duyên Thứ đệ: Vô lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ, sau, theo thứ lớp, sinh ra sử Nhất thiết biến, do kiến khổ, kiến tập dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Sử nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, duyên với vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên là: Vô lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ, vì chẳng phải Nhất thiết biến, nên không duyên với chúng người khác. Đối với sử không nhất thiết biến, do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, chỗ dứt của kiến đạo, do tu đạo, có hai duyên: duyên Thứ đệ, Duyên oai thế, không có nhân duyên, duyên cảnh giới.

Duyên Thứ đệ: Vô lậu duyên sử do kiến diệt dứt trừ, về sau theo thứ lớp sinh ra sử không nhất thiết biến, chỗ dứt của kiến khổ, kiến tập. Kiến đạo dứt trừ, tu đạo dứt trừ tất cả sử.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên: Vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, vì chẳng phải Nhất thiết biến, nên không làm nhân cho chúng người khác.

Không có duyên cảnh giới: Sử không nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ. Kiến đạo, tu đạo dứt trừ tất cả sử, không duyên với chúng khác. Như hữu lậu duyên sử. Vô lậu duyên sử, do kiến diệt dứt trừ, thì hữu lậu duyên sử, vô lậu duyên sử, chỗ dứt của kiến đạo, nói cũng giống như thế.

Sử, chỗ dứt trừ của Tu đạo, đối với sử được tu đạo dứt trừ, có bốn duyên: Nhân, Thứ đệ, Cảnh giới, Oai thế.

Nhân duyên: Có ba nhân: Nhân tương ứng, nhân cộng sinh, nhân tương tự.

Duyên Thứ đệ: Sử, do Tu đạo dứt trừ, về sau theo thứ lớp sinh sử do tu đạo dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Sử do tu đạo dứt trừ duyên với sử do tu đạo dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau, nên sử, chỗ dứt của

tu đạo, đối với Sử nhất thiết biến do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, có ba duyên: Thứ đệ, Cảnh giới, Oai thế, không có nhân duyên.

Duyên Thứ đệ: Sử, chỗ dứt của Tu đạo, sau theo thứ lớp sinh Sử nhất thiết biến, được kiến khổ, kiến tập dứt trừ.

Duyên cảnh giới: Sử nhất thiết biến, do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, duyên với sử, do Tu đạo dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên: Sử do tu đạo dứt trừ chẳng phải Nhất thiết biến, nên không làm nhân cho chủng người khác. Đối với sử không nhất thiết biến, do kiến khổ, kiến tập dứt trừ, tất cả sử là do kiến diệt, kiến đạo dứt trừ, có hai thứ duyên là Thứ đệ, Oai thế, không có nhân duyên, không có duyên cảnh giới.

Duyên Thứ đệ: Sử, do Tu đạo dứt trừ, về sau theo thứ lớp sinh ra sử không Sử nhất thiết biến, do kiến khổ, kiến tập dứt trừ. Tất cả sử là do kiến diệt, kiến đạo dứt trừ.

Duyên oai thế: Vì không có chướng ngại nhau.

Không có nhân duyên: Sử do tu đạo dứt trừ vì chẳng phải Nhất thiết biến, nên không cho làm nhân chủng người khác.

Không có duyên cảnh giới: Các sử kia vì chẳng phải Nhất thiết biến, nên không duyên với chủng người khác.

Nhân Nhất thiết biến nói trong đây, như phẩm Trí thuộc Kiên-độ Tạng đã nói rộng.

